

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

Phạm Ngọc Trụ

Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng, Học viện Chính sách và Phát triển

Tóm tắt. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung làm rõ một số nội dung về phát triển các khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030. Hiện trạng phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh, dự báo tác động từ bối cảnh quốc tế, trong nước và cạnh tranh từ các địa phương xung quanh cùng với việc hình thành các tuyến cao tốc là những căn cứ quan trọng để tác giả đề xuất phương án phát triển các KCN ở tỉnh Phú Thọ. Đối với phương án phát triển, tác giả tập trung đề xuất về hướng phân bố theo không gian các tiểu vùng, số lượng các KCN (bao gồm cả KCN đã thành lập và KCN mở mới) cũng như định hướng thu hút các ngành chủ yếu cho các KCN của tỉnh Phú Thọ. Để phát triển và phát huy tốt vai trò của các KCN, tác giả đề xuất tập trung thực thi hiệu quả các giải pháp về thu hút đầu tư, chính sách hỗ trợ phát triển, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển KCN ở tỉnh Phú Thọ.

Từ khóa: phát triển, khu công nghiệp, tỉnh Phú Thọ.

1. Mở đầu

Khu công nghiệp được hiểu là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và cung ứng dịch vụ cho sản xuất công nghiệp [1]. KCN là hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp được ưu tiên phát triển ở nhiều địa phương trong những năm gần đây nhờ vào các ưu điểm nổi bật của nó (sử dụng chung kết cấu hạ tầng, tiết kiệm quỹ đất,...) cùng với xu thế đón đầu các dòng FDI vào Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu về KCN đã được nhiều nhà khoa học công bố với đối tượng và phạm vi không gian nghiên cứu khá đa dạng. Ở phạm vi cả nước, nổi bật là nghiên cứu của tác giả Võ Thanh Thu (2005) đề xuất các giải pháp phát triển KCN ở Việt Nam [2]. Ở cấp độ vùng, tác giả Vũ Thành Hưởng (2009) đã đề xuất giải pháp phát triển bền vững các KCN ở vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ [3]. Đối với cấp tỉnh, tác giả Nguyễn Ngọc Dũng (2011) đã nghiên cứu sâu về giải pháp phát triển các KCN trên địa bàn thủ đô Hà Nội trong luận án tiến sĩ [4]. Tuy vậy, việc nghiên cứu phát triển KCN tỉnh Phú Thọ, đặc biệt là trong bối cảnh mới vẫn còn khá hạn chế.

Trong nghiên cứu này, tác giả luận bàn về phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, trong đó tập trung làm rõ: căn cứ đề xuất phương án, các phương án phát triển (cả về số lượng, định hướng ngành và dự báo một số chỉ tiêu có liên quan) và giải pháp tổng thể để thúc đẩy phát triển các KCN.

Ngày nhận bài: 1/7/2023. Ngày sửa bài: 22/7/2023. Ngày nhận đăng: 10/8/2023.

Tác giả liên hệ: Phạm Ngọc Trụ. Địa chỉ e-mail: phamngoctru@apd.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở tài liệu và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở dữ liệu chính được sử dụng trong nghiên cứu được tác giả khai thác từ Niên giám thống kê của cả nước và các tỉnh, thành phố; Báo cáo Điều tra lao động và việc làm cập nhật; báo cáo kết quả hoạt động của Ban quản lý các Khu công nghiệp các địa phương và website công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã tiến hành khảo sát thực địa để thu thập thông tin về giá đất đền bù trong giải phóng mặt bằng ở một số địa phương.

Các phương pháp chính được sử dụng gồm: (i) Tổng hợp các tài liệu liên quan; (ii) Phân tích thống kê; (iii) Dự báo kinh tế và (iv) Khảo sát thực địa.

2.2. Các căn cứ đề xuất phương án phát triển khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

2.2.1. Thực trạng phát triển các khu công nghiệp đến năm 2022

Các KCN là địa bàn quan trọng trong thu hút đầu tư trong nước và quốc tế vào tỉnh Phú Thọ, góp phần đáng kể thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn vừa qua.

Tính đến hết năm 2022, trong số 7 KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có 4 KCN (KCN Phú Hà, KCN Trung Hà, KCN Cẩm Khê, KCN Thụy Vân) đã hoạt động và 3 KCN chưa đi vào hoạt động (KCN Tam Nông, KCN Hạ Hòa, KCN Phù Ninh). Lũy kế đến hết năm 2022, các KCN đã thu hút được 155 dự án đầu tư (trong đó có 120 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh) với tổng vốn đăng ký là 12.555 tỉ đồng và 969 triệu USD. Trong đó, có một số dự án quy mô lớn, vốn đăng ký trên 2.000 tỉ đồng và trên 100 triệu USD và 02 dự án công nghệ cao.

Từ năm 2015 hết năm 2022, do chính sách thu hút dự án vào các KCN của tỉnh Phú Thọ có sự thay đổi: về quy mô vốn đầu tư, yêu cầu công nghệ, bảo vệ môi trường, nộp ngân sách nhà nước... nên quy mô, chất lượng dự án đầu tư đã tăng lên đáng kể. Đã có nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) quy mô lớn, công nghệ cao lựa chọn các KCN ở tỉnh Phú Thọ làm điểm đến góp phần đáng kể trong dịch chuyển cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất công nghiệp, hình thành một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, thúc đẩy ngành công nghiệp của tỉnh Phú Thọ phát triển mạnh mẽ.

Tổng diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của tỉnh Phú Thọ năm 2022 đạt 494,6 ha trong đó đã cho thuê 466,6 ha, tỉ lệ lấp đầy là 94,3%. Nếu so với diện tích đã giải phóng mặt bằng của các KCN thì tỉ lệ đất đã cho thuê mới đạt khoảng 81%. Tuy nhiên, diện tích giải phóng mặt bằng so với diện tích các KCN được phê duyệt trong quy hoạch chỉ chiếm 23,3%.

Bên cạnh những ngành công nghiệp truyền thống của tỉnh như sản xuất giấy, hóa chất phân bón, tại các KCN của tỉnh đã xuất hiện những ngành có giá trị gia tăng cao như sản xuất linh kiện ô tô, xe máy, linh kiện điện tử, sản xuất thuốc và thiết bị y tế.

Bảng 1. Tình hình sản xuất tại các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2022

Chỉ tiêu		2015	2016	2017	2018	2019	2022
Doanh thu	Tỉ đồng	14.800	17.362	22.000	30.000	40.000	43.500
	% so với năm trước	134	111	108	136	133	109
Nộp ngân sách	Tỉ đồng	700	800	1.000	1.550	1.500	1.000
	% so với năm trước	107	116	125	128,5	100	66,7
Xuất khẩu	Triệu USD	630	690	780	1.000	1.700	3.700

	% so với năm trước	135	111	113	125	170	217
Lao động đang làm việc	Người	28.000	27.500	33.300	36.500	42.338	45.000
Thu nhập bình quân trên 1 lao động	Triệu đồng/tháng	5,0	5,5	5,8	6,5	6,8	6,8

Nguồn: Tác giả xử lý từ [5]

Quan sát Bảng 1 cho thấy các chỉ tiêu về tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN ở tỉnh Phú Thọ có sự phát triển nhanh chóng và có đóng góp ngày càng quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động: (i) Giá trị tăng thêm của KCN đóng góp bình quân khoảng 13-14% vào cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tỉnh Phú Thọ đồng thời đóng góp bình quân 53-55% giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2015-2022; (ii) Đóng góp trên 50% trong tổng thu ngân sách từ nguồn doanh nghiệp và cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; (iii) Giải quyết việc làm cho khoảng 45 nghìn lao động với thu nhập bình quân từ 6,5-6,8 triệu đồng/người/tháng; Bên cạnh đó còn có một số lượng đáng kể lao động gián tiếp (dịch vụ ăn uống, buôn bán nhỏ...) phát triển ở khu vực xung quanh các KCN góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân địa phương; (iv) Phát huy vai trò lan tỏa trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hình thành một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao; tạo hiệu ứng lan toả, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá khu vực; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, khu vực kinh tế.

Năm 2020, do tác động của đại dịch Covid-19 nên đà tăng trưởng chậm lại, số tiền nộp ngân sách sụt giảm, thu nhập bình quân của lao động không được cải thiện. Tuy nhiên, điểm sáng nổi bật là giá trị xuất khẩu vẫn tăng mạnh, đạt 3,7 tỉ USD nhờ các dự án FDI quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử trong các KCN phát huy hiệu quả và đóng góp chủ đạo vào kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (tiêu biểu là công ti Hanyang ở KCN Phú Hà). Đến năm 2022, sau khi đại dịch Covid-19 được đẩy lùi, các KCN của tỉnh Phú Thọ trở lại với đà tăng trưởng khá trong thu hút FDI và các hoạt động sản xuất, trong đó nổi bật là dự án của Tập đoàn BYD tại KCN Phú Hà.

2.2.2. Bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn đến năm 2030

a. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế có những thay đổi nhanh, với nhiều xu hướng nổi trội, tác động nhiều chiều đến phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng.

Đối với việc phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, bối cảnh quốc tế có tác động rõ nét nhất là xu hướng dịch chuyển đầu tư gắn với tái định dạng chuỗi giá trị toàn cầu. Các dòng đầu tư trên thế giới luôn có sự dịch chuyển để tìm kiếm khu vực đem lại lợi nhuận cao nhất. Trong những năm gần đây, châu Á – Thái Bình Dương nổi lên là khu vực thu hút FDI hàng đầu thế giới (đặc biệt là Trung Quốc, Xingapo) đồng thời xuất hiện xu hướng dịch chuyển đầu tư Trung Quốc + 1 (*là xu hướng các nhà đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất kinh doanh ở một quốc gia khác, bên cạnh dây chuyền sản xuất tại Trung Quốc, nhằm khai thác các lợi thế của quốc gia mới này đồng thời hạn chế rủi ro trong trường hợp đầu tư toàn bộ vào Trung Quốc*) khá rõ nét khi Trung Quốc lọt vào nhóm nước có thu nhập cao dẫn tới các nhà sản xuất ở Trung Quốc phải tìm kiếm các địa bàn có chi phí lao động, giá thuê mặt bằng rẻ hơn bên ngoài Trung Quốc. Tranh chấp thương mại Mỹ - Trung và đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến dòng dịch chuyển FDI trên thế giới, đặc biệt là dòng dịch chuyển khỏi Trung Quốc nhằm hạn chế rủi ro do tranh chấp thương mại Mỹ - Trung cũng như tránh phụ thuộc quá nhiều vào chuỗi cung ứng từ Trung Quốc. Điều này tạo cơ hội cho Việt Nam nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng trong việc đón đầu dòng vốn đầu tư dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc từ các nhà đầu tư FDI, bao gồm cả nhà

đầu tư Trung Quốc. Các dòng vốn này được dự báo sẽ chủ yếu hướng đến các địa phương đảm bảo điều kiện về mặt bằng, kết cấu hạ tầng tốt và nguồn lao động đáp ứng cả về số lượng, chất lượng. Đây là các yếu tố mà các KCN ở tỉnh Phú Thọ có những lợi thế nhất định trong thu hút FDI.

Bên cạnh xu hướng dịch chuyển đầu tư gắn với tái định dạng chuỗi giá trị toàn cầu, các xu thế hợp tác, hội nhập phát triển cũng góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển mô hình KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ bởi đây là yếu tố quan trọng cả ở khâu đầu vào (nhập khẩu nguyên liệu) và đầu ra (xuất khẩu các sản phẩm) đối với các doanh nghiệp trong KCN, đặc biệt là với các doanh nghiệp quy mô lớn.

b. Bối cảnh trong nước

Bối cảnh trong nước được dự báo cũng có tác động đáng kể tới quá trình hình thành và phát triển của các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn đến năm 2030 trong đó tiêu biểu là một số biểu hiện sau:

(i)- Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là tiền đề để Việt Nam nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng thu hút đầu tư (đặc biệt là thu hút các doanh nghiệp tầm cỡ), đẩy mạnh ngoại thương mà ở đó, vai trò của các KCN là hết sức quan trọng.

Tính đến hết năm 2022, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã có 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam ký kết có hiệu lực và 02 FTA đang đàm phán. Đây là nền tảng cơ bản để Việt Nam hội nhập quốc tế ở tầm cao mới, mở ra không gian hợp tác phát triển rộng lớn trong tương lai.

Chính sách thu hút FDI cũng được Việt Nam đặc biệt quan tâm và có những điều chỉnh linh hoạt nhằm phù hợp với bối cảnh dịch chuyển đầu tư trên thế giới. Thời gian gần đây, những dự án của các tập đoàn trong top 500 thế giới đến Việt Nam ngày càng nhiều cho thấy những làn sóng đầu tư hàng đầu thế giới đang chuyển dịch vào Việt Nam từ Trung Quốc và những nước xung quanh. Chất lượng đầu tư FDI vào Việt Nam cũng đang được cải thiện thể hiện qua các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sạch, phát triển công nghiệp hỗ trợ xuất hiện ngày càng nhiều ở nước ta. Từ một nơi lắp ráp đơn thuần, Việt Nam đang dần trở thành nơi sản xuất cho toàn cầu. Nhờ vậy, trong thời gian tới, Việt Nam được dự báo vẫn là điểm hấp dẫn nhiều nhà đầu tư FDI, đặc biệt là một số tập đoàn tầm cỡ toàn cầu. Đây là cơ hội cho tỉnh Phú Thọ tiếp cận và kêu gọi các dự án FDI chất lượng, có hiệu quả lan tỏa rộng đầu tư vào các KCN sẵn có.

(ii)- Chủ trương đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông vận tải của Việt Nam có tác động mạnh đến sự hình thành và phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Thực tiễn phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn vừa qua cho thấy các tuyến giao thông, đặc biệt là giao thông huyết mạch có tác động mạnh tới sự hình thành và phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh. Phần lớn các KCN được đặt ở ven các tuyến giao thông chính (quốc lộ, đường cao tốc, tỉnh lộ) và so sánh sự phát triển của các KCN đã hình thành cũng cho thấy ở đâu có sự thuận tiện về giao thông sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư và phát triển hơn so với các KCN còn lại. Trong thời gian tới, với việc đầu tư hạ tầng giao thông, đặc biệt là tuyến cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ – Chợ Bến cùng với các tuyến kết nối sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của các KCN trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng, xu thế phát triển mô hình KCN tại Việt Nam giai đoạn đến năm 2030: Xu thế chung gắn với các chiến lược lớn của Quốc gia (như chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược nâng cao hiệu quả thu hút FDI...) và định hướng phát triển KCN của các nước có tác động tới định hướng địa bàn và ngành nghề ưu tiên thu hút, loại hình KCN khuyến khích phát triển... ở tỉnh Phú Thọ.

c. Yêu cầu phát triển của tỉnh Phú Thọ đặt ra cho các khu công nghiệp trên địa bàn

Theo định hướng của tỉnh Phú Thọ, đến năm 2030, đạt mức GRDP/người khoảng 6.100 USD, bằng 80% mức trung bình của cả nước. Để đạt được mục tiêu trên, trong giai đoạn 2021-2030

tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của tỉnh phải đạt khoảng 10,6%/năm. Thực tiễn phát triển KCN ở giai đoạn trước cho thấy, với tỉ trọng đóng góp rất lớn, hoạt động của các KCN là tiền đề tạo ra mức tăng trưởng nhanh của tỉnh Phú Thọ nói chung và ngành công nghiệp nói riêng.

Để GRDP của Tỉnh Phú Thọ đạt mức tăng trưởng GRDP bình quân 10,6%/năm giai đoạn 2021-2030, và để đạt được mục tiêu các KCN đóng góp 33-35% GRDP toàn tỉnh thì giá trị tăng thêm của KCN phải ước đạt 86-87 nghìn tỉ đồng vào năm 2030 (giá hiện hành) và doanh thu ước đạt 340-350 nghìn tỉ đồng. Theo đó, với các chỉ tiêu bình quân của các KCN hiện nay (về Giá trị tăng thêm bình quân trên 1 ha (VA/ha), Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha (GO/ha),...) thì : (i) cần bổ sung, mở rộng diện tích KCN do quy mô diện tích của 7 KCN (gồm 04 KCN đã đi vào hoạt động và 03 KCN đã được phê duyệt) hiện tại của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu/vai trò đặt ra đối với các KCN trên địa bàn tỉnh ; (ii) chú trọng nâng cao tỉ lệ lấp đầy của các KCN hiện có trên địa bàn.

d. Khả năng đáp ứng các điều kiện để hình thành và phát triển các khu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ

**** Quỹ đất dành cho phát triển khu công nghiệp***

Các KCN có đặc thù là hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp tập trung vì thế cần có quỹ đất đủ rộng để sử dụng chung kết cấu hạ tầng và các tiện ích công nghiệp khác hiệu quả. Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, với đặc thù vùng trung du, chưa chịu sức ép lớn về mật độ dân số nên quỹ đất dự trữ cho phát triển các KCN là khá dồi dào.

Các khu vực gần quốc lộ 32, 32C, 70, 70.B, đường Hồ Chí Minh, hướng tuyến quy hoạch đường cao tốc Phú Thọ - Tuyên Quang, một số khu gần nút giao đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai có điều kiện quy hoạch phát triển KCN; Hiện trạng đất ở các khu vực này chủ yếu là đất màu đồi, đất rừng trồng sản xuất, không có đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, có một phần đất trồng lúa; Diện tích đất ở chiếm tỉ trọng không lớn, đây là các yếu tố thuận lợi cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư. Phạm vi diện tích các khu vực tương đối lớn trung bình khoảng 350- 400 ha, ngoài ra đủ quỹ đất phục vụ xây dựng các khu nhà ở công nhân, khu đô thị - dịch vụ liền kề. Một số khu vực cách các thị trấn không xa, thuận lợi trong quá trình đầu tư xây dựng và phát triển.

**** Kết cấu hạ tầng***

Phú Thọ đã có hầu hết các yếu tố kết cấu hạ tầng cần thiết phục vụ thu hút đầu tư, du lịch và thương mại như các cảng hàng hoá, bến thủy nội địa, đường sắt, và đường cao tốc. Tỉnh đã hoàn thành xây dựng và vận hành các nút giao đầu nối với cao tốc Nội Bài – Lào Cai, dự kiến các tuyến cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ – Chợ Bến kết nối với nút giao IC9 của đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai sẽ sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng... Ngoài giao thông, mạng lưới cung cấp năng lượng, nguồn nước, thông tin liên lạc... đã được đầu tư hoàn thiện trong giai đoạn gần đây, về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư vào KCN.

Các hạ tầng xã hội khác như y tế, giáo dục, nhà ở cũng phát triển khá mạnh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn gần đây. Đây là tiền đề quan trọng để thu hút lao động, đảm bảo các vấn đề về an sinh xã hội trong phát triển KCN ở các giai đoạn tới.

**** Nguồn nhân lực***

Tỉnh Phú Thọ đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng với nguồn lao động khá đông đảo, có chất lượng tương đối cao (do là địa phương có lịch sử phát triển công nghiệp sớm), chi phí lao động còn rẻ tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư vào các KCN trong giai đoạn tới cả ở những ngành thâm dụng lao động (như dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử,...) hoặc những ngành đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao hơn như cơ khí chính xác, điện tử,...

Tuy vậy, do đội ngũ lao động có trình độ cao còn hạn chế và tình trạng chảy chất xám tới các địa bàn phát triển hơn ở xung quanh, đặc biệt là thủ đô Hà Nội, vì thế khó thu hút được các dự án có chất lượng, đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao vào các KCN. Hiện nay, trong gần 45.000 lao

động đang làm việc ở các KCN thì trình độ đại học, cao đẳng chỉ chiếm 5,78% còn lại là lao động phổ thông. Việc đầu tư xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho công nhân trong các KCN chậm nên ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người lao động và gây khó khăn trong công tác thu hút lao động từ các địa bàn khác.

** Môi trường đầu tư kinh doanh*

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh Phú Thọ đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao sức cạnh tranh nhằm thu hút đa dạng nguồn lực đầu tư từ trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển KCN. Năm 2022 chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Phú Thọ đạt 66,3 điểm, xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, tăng 29 bậc so với năm 2010 và đứng thứ 4/14 tỉnh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

e. Năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ

Trong hoạt động thu hút đầu tư phát triển các KCN ở giai đoạn tới, tỉnh Phú Thọ phải cạnh tranh với khá nhiều địa phương xung quanh. Năng lực cạnh tranh của tỉnh thể hiện ở một số điểm nổi bật sau:

** Vị trí địa lý*

Tỉnh Phú Thọ nằm trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội; Thành phố Việt Trì là trung tâm hành chính kinh tế chính trị văn hoá giáo dục của tỉnh, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 100 km và sân bay quốc tế Nội Bài 50km về phía Bắc, cách cửa khẩu quốc tế Lào Cai 218 km.

Tỉnh Phú Thọ nằm ở vị trí địa lý chiến lược và có tiềm năng đóng vai trò quan trọng trong trao đổi kinh tế, thương mại và du lịch nhờ nằm trên các tuyến giao thông trọng yếu sau:

Tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai (tốc độ tối đa 120km/h) qua tỉnh Phú Thọ có chiều dài trên 60km với 7 nút giao (IC). Đây là tuyến đường thuộc hành lang đường bộ Côn Minh – Hải Phòng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang lại cơ hội lớn cho Tỉnh trong kết nối để phát triển kinh tế - xã hội.

Tuyến quốc lộ 2 (AH.14 – đường bộ châu Á số 14) nối liền Vân Nam (Trung Quốc) với Hà Giang qua Tuyên Quang, Phú Thọ đến sân bay quốc tế Nội Bài về Hà Nội rồi nối với quốc lộ 5 đi Hải Phòng, quốc lộ 1A đi cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn) và với quốc lộ 18 đi cảng biển Cái Lân – Quảng Ninh.

Tuyến cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ với tổng chiều dài 40,2 km có kết nối với nút giao IC9 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ sớm được hoàn thành trong tương lai gần.

Các tuyến quốc lộ 32, 32C, đường Hồ Chí Minh có vai trò kết nối liên vùng từ Thủ đô Hà Nội tới vùng núi phía Bắc mà Phú Thọ nằm ở quãng trung chuyển.

Tuyến đường sắt xuyên Á từ Vân Nam (Trung Quốc) sang Lào Cai chạy qua tỉnh Phú Thọ về Hà Nội và nối với các tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Thành phố Hồ chí Minh. Phú Thọ có 8 ga được đặt tại thành phố Việt Trì và các thị trấn khác trên địa bàn tỉnh, trong đó ga Việt Trì và ga Phú Thọ là 2 ga lớn, thuận tiện cho việc đưa đón khách và vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn.

Thành phố Việt Trì “thành phố ngã ba sông” nơi hợp lưu của 3 con sông lớn ở miền Bắc là sông Hồng, sông Lô và sông Đà. Cảng sông Việt Trì là một trong 3 cảng lớn ở miền Bắc có công suất khai thác có thể đạt 1,0 triệu tấn/năm thuận tiện kết nối với thủ đô Hà Nội và khu vực lân cận.

Trong thời gian tới, khi mạng lưới giao thông, đặc biệt là các tuyến cao tốc được hoàn thiện sẽ giúp rút ngắn khoảng cách kinh tế (*thuật ngữ dùng để chỉ mức độ thuận lợi (khoảng cách kinh tế gần) hay khó khăn (khoảng cách kinh tế xa) trong việc dịch chuyển người, hàng hóa, tiền, thông tin từ nơi này đến nơi khác*) giữa Phú Thọ với các trung tâm kinh tế, cửa ngõ vào – ra hàng hóa, tạo tiền đề để tỉnh Phú Thọ nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư phát triển các KCN.

Tuy vậy, do điều kiện vị trí địa lí của tỉnh kém lợi thế so với các tỉnh lân cận (xa các trung tâm kinh tế, xa cảng biển so với các địa phương giáp Hà Nội khác như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang), địa hình đồi núi, suất đầu tư hạ tầng KCN khá cao, khó thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở cũng như các doanh nghiệp đến đầu tư sản xuất.

** Chi phí thuê lao động và mặt bằng rẻ hơn tương đối so với Hà Nội và các địa phương lân cận*

Chi phí thuê lao động và mặt bằng tại các KCN là yếu tố khá quan trọng trong việc thu hút đầu tư phát triển các KCN. Qua khảo sát và thu thập dữ liệu về các chỉ tiêu này ở tỉnh Phú Thọ và các địa phương lân cận, kết quả cụ thể:

Bảng 2. Một số chỉ tiêu tổng hợp KCN tại Phú Thọ và các tỉnh lân cận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Phú Thọ	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Thái Nguyên	Bắc Giang
1	Lương công nhân (nghìn đồng/tháng)*	5.970	8.235	7.073	6.236	6.801
2	Giá thuê bình quân trong các KCN (nghìn đồng/m ² /chu kì)	380-420	2.000-3.000	800-1.200	1.400-1.600	800-1.600
3	Quỹ đất sản xuất nông nghiệp có thể chuyển đổi sang đất KCN					
3.1	- Diện tích (nghìn ha)	118,3	156,4	54,3	110,6	146,6
3.2	- Giá đền bù (nghìn đồng/m ²)	40-50	150-252**	55-60	70-90***	50-60

Nguồn: Tác giả xử lý từ [7-14] và điều tra thực địa của tác giả.

Ghi chú: * Số liệu năm 2021 (Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2022 hiện chưa công bố).

** Chi phí giải phóng mặt bằng của Hà Nội trên thực tế còn cao hơn nhiều so với tỉ lệ tương quan giá đền bù như trên cho quy định về kinh phí hỗ trợ chuyển đổi việc làm do thành phố Hà Nội quy định cao (gấp 5,0 lần giá đền bù đất) hơn so với các địa phương khác.

*** Xét giá tại các huyện, thị xã gần Hà Nội, có thể cạnh tranh với Phú Thọ.

Bảng 2 cho thấy các chỉ tiêu về giá thuê mặt bằng, chi phí nhân công ở Phú Thọ thấp hơn đáng kể so với thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Điều này đem lại cơ hội cho Phú Thọ trong việc cạnh tranh thu hút đầu tư vào tỉnh nói chung và vào các KCN nói riêng ở giai đoạn tới. Tuy vậy, trong bối cảnh các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ vẫn tiếp tục đẩy mạnh phát triển KCN: Diện tích đất quy hoạch KCN đã được Thủ tướng phê duyệt (tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022) của các tỉnh tăng khá nhanh trong giai đoạn từ 2025 đến 2030: tỉnh Bắc Giang tăng 3.623 ha, tỉnh Vĩnh Phúc tăng 1.778 ha, tỉnh Bắc Ninh tăng 1.648 ha, tỉnh Thái Nguyên tăng 959 ha, thành phố Hà Nội tăng 1.041 ha... trong khi của tỉnh Phú Thọ chỉ tăng 719 ha; quỹ đất cho phát triển KCN của các tỉnh này vẫn còn khá lớn thì đó vẫn là những địa bàn có sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư, từ đó sẽ tạo sức ép cạnh tranh rất lớn đối với tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn đến năm 2030. Ở giai đoạn sau năm 2030, khi các địa phương trên đã gần tiệm cận sức chứa tối đa trong sản xuất công nghiệp (nếu phát triển tiếp thì dễ dẫn tới nguy cơ thiếu hụt lao động, tắc nghẽn giao thông, quá tải dân số...) thì Phú Thọ lại có lợi thế cạnh tranh lớn trong thu hút phát triển KCN.

Số vốn bình quân đầu tư cho kết cấu hạ tầng trên 1 ha của Phú Thọ vẫn ở mức khá thấp (bằng 60,6% so với Thái Nguyên và 78% so với Bắc Giang) cho thấy mức độ hiện đại, tiện nghi trong đầu tư hạ tầng KCN ở Phú Thọ chưa cao.

Bảng 3. Tổng hợp một số chỉ tiêu về KCN của Phú Thọ và của một số tỉnh năm 2022

Chỉ tiêu	Phú Thọ	Thái Nguyên	Bắc Giang
- Số KCN đang hoạt động	4	6	5
- Tổng diện tích đất KCN được đầu tư kết cấu hạ tầng	676	1550	1058
- Tổng lao động (nghìn người)	45	120	109

- Vốn xây dựng kết cấu hạ tầng bình quân 1 ha đất KCN đã cho thuê (giao thông, điện, nước, viễn thông, xử lý chất thải...) (Tỉ đồng/ha)	3,79	6,25	4,86
- Lao động làm việc bình quân 1 ha đất KCN đã cho thuê (người/ha)	100	182	198
- Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bình quân 1 ha đất KCN đã cho thuê (Tỉ đồng/ha)	39,9	305,1	115,1
- Doanh thu bình quân 1 ha đất KCN đã cho thuê (tỉ đồng/ha)	93	1.204	268

Nguồn: Tác giả xử lý từ [10-12]

Các chỉ số về tình hình đầu tư, kinh doanh ở các KCN của tỉnh Phú Thọ cũng ở mức thấp so với 02 tỉnh: về quy mô suất đầu tư trên 1 ha chỉ bằng 13,1% so với Thái Nguyên và 34,7% so với Bắc Giang; về doanh thu bình quân trên 1 ha (7,3% so với Thái Nguyên và 32,8% so với Bắc Giang).

2.3. Định hướng phát triển các khu công nghiệp

2.3.1. Định hướng phân bố các khu công nghiệp theo không gian

(i) Phát triển các KCN của tỉnh Phú Thọ tập trung ở tiểu vùng “Công nghiệp động lực” gồm thị xã Phú Thọ và các huyện Thanh Ba, Cẩm Khê, Phù Ninh và Tam Nông nhằm phát huy thế mạnh về vị trí địa lý và khả năng kết nối liên tỉnh thông qua 2 tuyến đường bộ cao tốc, đường sắt và đường sông. Thị xã Phú Thọ là hạt nhân của tiểu vùng, ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc, lựa chọn những ngành có công nghệ sạch, có giá trị gia tăng cao, có cam kết chuyển giao công nghệ, phát triển các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Ở các địa phương còn lại, các ngành công nghiệp có triển vọng thu hút là chế biến thực phẩm – đồ uống, chế biến nông, lâm sản, dệt may, da giày, điện tử,...

(ii) Phát triển các KCN tại tiểu vùng “Công nghiệp Tây Bắc” gồm các huyện Đoan Hùng, Hạ Hòa dựa trên lợi thế về giao thông tương đối thuận lợi (nhưng vị trí cách xa thủ đô Hà Nội và các cảng biển hơn so với tiểu vùng “Công nghiệp động lực”). Tại các địa bàn này hiện nay mới có các cụm công nghiệp đi vào hoạt động trong khi KCN Hạ Hòa chưa đi vào hoạt động. Các ngành công nghiệp khuyến khích thu hút vào các KCN ở khu vực này bao gồm sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm - đồ uống, chế biến thức ăn gia súc, chế biến gỗ,...

(iii) Phát triển các KCN tại tiểu vùng “Công nghiệp Tây Nam” gồm các huyện Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn là địa bàn khó khăn trong phát triển công nghiệp nói chung và các KCN nói riêng do hạn chế về giao thông kết nối. Trong giai đoạn trước mắt cần ưu tiên hình thành 01 KCN nhằm tạo hạt nhân thúc đẩy công nghiệp của các địa phương của tiểu vùng.

(iv) Khu vực thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao và huyện Thanh Thủy hạn chế hình thành mới và phát triển các KCN do ưu tiên quỹ đất cho phát triển đô thị, du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.3.2. Định hướng phát triển các khu công nghiệp theo loại hình

Căn cứ vào: (i) xu thế phát triển sản xuất công nghiệp (yêu cầu về nhà xưởng, cơ cấu ngành nghề chuyên môn hóa,...) của thế giới, Việt Nam và tỉnh Phú Thọ; (ii) cách thức tổ chức, bố trí không gian trong KCN (quy mô diện tích, các bộ phận cấu thành,... nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng đất, lao động, hạ tầng cơ sở...), tác giả cho rằng các loại hình KCN có triển vọng phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030 gồm:

- Ưu tiên tập trung phát triển loại hình KCN - đô thị - dịch vụ nhằm phát triển đồng thời công nghiệp gắn với thúc đẩy đô thị hóa, nâng cao mức sống của người dân trong bối cảnh tỉ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh còn rất thấp (phần lớn các huyện có tỉ lệ đô thị hóa dưới 15%, năm

2020). Các loại hình còn lại có thể khuyến khích phát triển nhưng sẽ khả thi hơn ở giai đoạn sau năm 2030 khi các điều kiện về công nghệ, lao động và sự lan tỏa phát triển từ quốc tế, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ... có tác động mạnh mẽ hơn. Đối với bất kì loại hình KCN nào ở trên, trong giai đoạn phát triển đến năm 2030 cần quan tâm, thúc đẩy 02 hướng: (i) tăng tỉ lệ diện tích “xanh” trong KCN; và (ii) nâng cao hệ số sử dụng chiều cao không gian (tăng tỉ lệ nhà xưởng từ 2 tầng trở lên với các ngành công nghiệp không đòi hỏi khối lượng, tải trọng nguyên liệu hàng hóa lớn) nhằm tiết kiệm quỹ đất hoặc dành để tăng cường diện tích “xanh”.

- Đối với KCN đang xây dựng hoặc đã đầu tư và đi vào hoạt động một phần như KCN Phú Hà, KCN Trung Hà, KCN Cẩm Khê, KCN Thụy Vân cần đổi chiều với các tiêu chí của KCN theo quy định của pháp luật và định hướng các ngành nghề thu hút để từ đó xem xét điều chỉnh để thích ứng với sự phát triển sản xuất trong tương lai và những đòi hỏi thực tế phát sinh; hạn chế được thấp nhất những nhược điểm mà các KCN đã xây dựng hoàn chỉnh không thể sửa chữa được; đối với KCN xây dựng mới, cần rút kinh nghiệm từ những bài học của các KCN đi trước để có phương án xây dựng tối ưu, đảm bảo sự đồng bộ của KCN tính cả hiện tại và dự báo tương lai phát triển.

- Phát triển một số KCN thành KCN tổng hợp như KCN Phú Hà, KCN Cẩm Khê, KCN Trung Hà nhằm thu hút các dự án đầu tư của các công ty đa quốc gia châu Âu, châu Mỹ. Phát triển một hoặc hai KCN phụ trợ chuyên cung cấp nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm,... như KCN trên địa bàn các huyện Đoan Hùng, Phù Ninh,... nhằm tạo điều kiện nâng cao đời sống của người dân địa phương, tăng thu ngân sách địa phương, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn,...

2.3.3. Danh mục các khu công nghiệp đề xuất phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030

Trên cơ sở xem xét các điều kiện hình thành, tác giả đề xuất danh mục các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030 gồm 12 KCN, với tổng diện tích quy hoạch 5.095 ha trong đó: (i) Tập trung đầu tư xây dựng 07 KCN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (gồm KCN Thụy Vân, KCN Trung Hà, KCN Phú Hà, KCN Cẩm Khê, KCN Tam Nông, KCN Hạ Hòa, KCN Phù Ninh); (ii) Hình thành 5 KCN mới (gồm KCN Thanh Ba, KCN Đoan Hùng, KCN Đồng Lương, KCN Bắc Sơn và KCN Võ Miếu).

STT	Tên KCN (huyện, thị xã, thành phố)	Diện tích theo quy hoạch (ha)	Diện tích đã sử dụng (ha)	Diện tích phát triển mới (ha)	Diện tích KCN được đầu tư kết cấu hạ tầng (ha)	Vốn đầu tư kết cấu hạ tầng trong KCN (khoảng 7 tỉ đồng/ha)	Diện tích đất công nghiệp cho thuê sau năm 2022 (ha)	Vốn đầu tư kinh doanh thu hút ¹ (tỉ đồng)	Doanh thu dự kiến ² (tỉ đồng)	Đóng góp ngân sách ³ (tỉ đồng)	Nhu cầu nhân lực (lao động) ⁴	Quỹ đất cho xây dựng nhà ở người lao động (ha) ⁵	Vốn đầu tư dự kiến xây nhà ở người lao động (Tỉ đồng) ⁶
1	Thụy Vân (Tp. Việt Trì)	335	306	29	29	203	20	1.600	4.000	120	1.800	0,168	10,1
2	Trung Hà (Tam Nông)	300	79	221	155	1.085	108	8.640	21.600	648	9.720	0,907	54,4
3	Phú Hà (Tx. Phú Thọ)	450	188	262	184	1.288	128	10.240	25.600	768	11.520	1,075	64,5
4	Cẩm Khê (Cẩm Khê)	450	103	347	240	1.680	170	13.600	34.000	1.020	15.300	1,428	85,7
5	Tam Nông (Tam Nông)	350	0	350	245	1.715	172	13.760	34.400	1.032	15.480	1,445	86,7
6	Hạ Hòa (Hạ Hòa)	400	0	400	280	1.960	196	15.680	39.200	1.176	17.640	1,646	98,8

Phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030

7	Phù Ninh (Phù Ninh)	400	0	400	280	1.960	196	15.680	39.200	1.176	17.640	1,646	98,8
8	Thanh Ba (Thanh Ba)	360	0	180	126	882	88	7.040	17.600	528	7.920	0,739	44,4
9	Bắc Sơn (Tam Nông)	200	0	100	70	490	50	4.000	10.000	300	4.500	0,420	25,2
10	Đồng Lương (Cẩm Khê)	500	0	250	175	1.225	120	9.600	24.000	720	10.800	1,008	60,5
11	Doan Hùng (Doan Hùng)	1.000	0	250	175	1.225	120	9.600	24.000	720	10.800	1,008	60,5
12	Võ Miếu (Thanh Sơn)	350	0	100	70	490	50	4.000	10.000	300	4.500	0,420	25,2
Tổng cộng		5.095	676	2.889	2.029	14.203	1.418	113.440	283.600	8.508	127.620	11,911	714,7

Ghi chú: ¹: Hiện tại đạt khoảng 40 tỉ đồng/ha đất công nghiệp cho thuê; mục tiêu đến năm 2030 đạt 80 tỉ đồng/ha đất công nghiệp cho thuê; ²: Trung bình 200 tỉ/ha đất công nghiệp cho thuê; ³: Dự kiến đất thu chiếm 3% doanh thu; ⁴: Mức bình quân 90 lao động/ha đất công nghiệp cho thuê; ⁵: Trung bình 8m²/người, khoảng 35% công nhân KCN cần nhà ở, xây 6 tầng; Diện tích xây nhà ở chiếm 50% diện tích quỹ đất cho xây dựng khu nhà ở cho công nhân; ⁶: Định mức xây dựng: 6 triệu đồng/m².

2.3.4. Định hướng thu hút ngành cụ thể

Sự phát triển của các KCN trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vẫn phụ thuộc khá nhiều vào các dự án FDI. Trong khi đó, các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Phú Thọ chủ yếu thực hiện các khâu lắp ráp, gia công từ các đầu vào nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu, sau đó xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ. Đây là khâu thấp nhất của chuỗi giá trị, đó là lắp ráp các chi tiết nhập khẩu từ những nước khác và phụ thuộc vào các tập đoàn xuyên quốc gia mà thiếu đi vai trò của các doanh nghiệp nội địa.

Hiện nay chi phí nhân công Phú Thọ đang tăng lên, đến một mức nhất định sẽ không còn là lợi thế cạnh tranh. Lúc này, khi các ưu đãi của địa phương đã hết thời hạn, nếu các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ không phát triển để giảm giá thành sản phẩm, các Tập đoàn xuyên quốc gia sẽ có xu hướng hạn chế mở rộng sản xuất tại địa phương, thậm chí dịch chuyển cơ sở sản xuất sang quốc gia khác hấp dẫn hơn. Do đó, nếu không kịp thời tạo dựng sự lan tỏa từ sản xuất của các Tập đoàn xuyên quốc gia sang hệ thống doanh nghiệp nội địa, sớm hình thành các doanh nghiệp có quy mô tầm cỡ để dẫn dắt nền công nghiệp, Phú Thọ sẽ mất cơ hội thúc đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dưới đây là một số ngành nghề được khuyến nghị thu hút đầu tư vào các KCN Phú Thọ trong thời gian tới:

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản: Phát triển dựa trên cơ sở nguồn nguyên liệu dồi dào, phong phú hiện nay và được dự báo sẽ tăng lên nhanh chóng trên cơ sở tổ chức lại sản xuất tại tỉnh Phú Thọ cũng như thu hút nguyên liệu từ các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái... Các sản phẩm ưu tiên phát triển bao gồm: chế biến thực phẩm - đồ uống, chế biến thức ăn chăn nuôi, chế biến gỗ.

- Công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử: Phát triển dựa trên thế mạnh về nguồn lao động và triển vọng thu hút các tập đoàn FDI lớn. Các sản phẩm ưu tiên phát triển gồm (i) Sản xuất và lắp ráp thiết bị nghe nhìn, thiết bị viễn thông, sản phẩm điện tử gia đình, máy tính, thiết bị văn phòng,... (chỉ tính riêng ở Việt Nam vẫn có nhu cầu lớn); (ii) Sản xuất và lắp ráp các sản phẩm cơ điện tử như các loại sản phẩm điện tử gia dụng (điện thoại, máy điều hoà không khí, ti vi, tủ lạnh, máy giặt,...), các sản phẩm điện tử văn phòng; (iii) Sản xuất phần mềm;

(iv) Chế tạo thiết bị phục vụ y tế, khám chữa bệnh, giường bệnh chuyên năng (Tương lai Việt Nam có khoảng 120-130 triệu dân nên nhu cầu khám chữa bệnh, sử dụng thiết bị y tế là rất lớn).

- Công nghiệp may mặc, giày da: Thu hút các dự án dệt may, giày da nhằm giải quyết nhu cầu việc làm ở một số địa bàn có số lượng lao động nông nghiệp dôi dư lớn. Các sản phẩm chính ở giai đoạn đầu là quần áo may sẵn, giày dép gia công... và dần hướng tới mục tiêu chung của ngành dệt may, giày da Việt Nam là tham gia các phân khúc đem lại giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị (thiết kế, phân phối thị trường quốc tế).

2.4. Giải pháp phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030

2.4.1. Giải pháp thu hút đầu tư

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư hạ tầng cơ sở cho các khu công nghiệp

- Vốn ngân sách chủ yếu hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông đầu nối vào các KCN; tập trung huy động các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn tín dụng một cách thuận lợi.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nguồn vốn từ các chương trình, dự án của Chính phủ. Tăng cường huy động các nguồn vốn trong nước khác thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn, các ngành và các thành phố lớn trong cả nước.

- Tăng cường huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương cho các công trình trọng điểm trên địa bàn. Tận dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn.

- Huy động 100% vốn FDI trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN bằng cách lựa chọn chủ đầu tư nước ngoài kinh doanh hạ tầng là những tập đoàn có kinh nghiệm, năng lực. Liên doanh với các đối tác nước ngoài bằng quỹ đất được quy hoạch để thu hút nguồn vốn của họ, vừa thông qua họ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào sản xuất tại KCN, đồng thời tận dụng kinh nghiệm làm ăn của họ. Ví dụ, KCN Thăng Long tại Hà Nội thành công trong lĩnh vực thu hút đầu tư và xây dựng một KCN có hạ tầng tương đối đồng bộ, hoàn chỉnh chính là nhờ uy tín và kinh nghiệm của tập đoàn Sumitomo Nhật Bản.

- Huy động vốn góp ứng trước của các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phương pháp này sẽ có lợi cho cả hai bên. Một bên sẽ có vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, một bên sẽ được hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất trong quá trình hoạt động của KCN và họ vừa là cổ đông vừa là người tiêu dùng do vậy sẽ nâng cao trách nhiệm trong quá trình xây dựng hạ tầng KCN.

b) Giải pháp thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh và các khu công nghiệp

Phú Thọ cần tập trung xúc tiến đầu tư những ngành được xác định là mũi nhọn, trọng điểm như: điện tử viễn thông, cơ khí chính xác, thiết bị y tế, máy móc nông nghiệp. Các nghiên cứu khẳng định tính hiệu quả của xúc tiến đầu tư như một công cụ chính sách công nghiệp tương đối “an toàn” và không gây biến dạng, có tác động đáng kể đến FDI. Kết quả cho thấy rằng các lĩnh vực được nhắm mục tiêu thông qua các chiến dịch xúc tiến đầu tư cụ thể nhận được dòng vốn FDI trung bình gấp hơn hai lần so với các lĩnh vực không nhắm mục tiêu và lợi ích chi phí của xúc tiến đầu tư là rất tích cực so với các biện pháp chính sách khác. Nhắm mục tiêu các nhà đầu tư trọng điểm có thể được coi là những đầu tàu trong các lĩnh vực tương ứng của họ. Điều này không chỉ gửi một tín hiệu mạnh mẽ đến các nhà đầu tư tiềm năng khác để xem xét kỹ hơn thị trường và điều kiện chi phí của KCN được đề cập mà còn có thể giúp trực tiếp “thu hút” các nhà cung cấp quốc tế hiện có của nhà đầu tư chính.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cần sự phối hợp kịp thời và có hiệu quả của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn. Cùng cố bộ máy quản lý nhà nước để thực sự trở thành bộ máy dịch vụ hành chính thuận tiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không phân biệt loại hình kinh tế. Nâng cao năng lực của các cơ sở dịch vụ công như: Hải quan, cảng vụ, kiểm tra thị trường, an toàn vệ sinh môi trường... để phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lấy doanh nghiệp làm trọng tâm phục vụ; luôn đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

2.4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ phát triển khu công nghiệp

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong tỉnh Phú Thọ, trong đó bổ sung chức năng, nhiệm vụ của đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư tại các KCN. Theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực tế, đề xuất phương án xử lý đối với các KCN, tích cực tháo gỡ các vướng mắc (nếu có), đảm bảo hiệu quả hoạt động của các KCN. Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra và thu hồi giấy phép của các dự án triển khai chậm tiến độ theo cam kết, các dự án hoạt động không hiệu quả và vi phạm các chính sách pháp luật của Nhà nước. Việc thu hồi phải được thực hiện kiên quyết và thường xuyên, nhằm ngăn ngừa những hoạt động kinh doanh không lành mạnh, tiết kiệm nguồn lực (đất đai, nhà xưởng, lao động,...) và tạo lập môi trường tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu các chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài, nhân lực có trình độ cao về làm việc tại các cơ quan chức năng về quản lý KCN nói riêng và phục vụ cho sự nghiệp phát triển các KCN Phú Thọ nói chung.

- Xây dựng chính sách khuyến khích (về giá thuê, thuế,...) doanh nghiệp xây dựng nhà xưởng từ 02 tầng trở lên nhằm tiết kiệm quỹ đất.

- Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp xuất khẩu, không phân biệt trong và ngoài nước, đồng thời đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm góp phần vào việc nâng cao tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư vào KCN ở tỉnh Phú Thọ.

- Tỉnh Phú Thọ cần xây dựng chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng, phương án tái định cư, định canh phù hợp nhằm ổn định cuộc sống cho người dân sau khi bị thu hồi đất gắn với việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho những hộ gia đình bị thu hồi đất làm KCN. Trước hết chính quyền địa phương cần đi trước một bước trong việc đảm bảo chất lượng nhà ở và cơ sở hạ tầng khu vực tái định cư và tạo điều kiện cho những hộ dân mất đất tham gia giám sát việc xây dựng nhà tái định cư để họ yên tâm và tin tưởng bàn giao mặt bằng xây dựng KCN.

2.4.3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong KCN theo các hướng chủ yếu sau:

- Trước hết các cơ sở đào tạo phải xác định lại mục tiêu đào tạo ngắn hạn, dài hạn và trình độ cần đào tạo chủ yếu là sơ cấp, trung cấp, cao đẳng: đó là những công nhân, kỹ thuật viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, được trang bị kỹ thuật, nghiệp vụ tiên tiến, có tác phong công nghiệp cao phù hợp với nhu cầu của các KCN. Để làm được việc này tỉnh Phú Thọ cần chỉ đạo hệ thống ngành Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức điều tra khảo sát thực trạng và nhu cầu đào tạo nghề của người lao động và của doanh nghiệp trong và ngoài KCN để có những cơ sở dữ liệu chính xác giúp các cơ sở đào tạo nghề xây dựng định hướng đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế và tương lai.

- Phát huy vai trò của trường Đại học Hùng Vương trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sản xuất công nghiệp nói chung và nhân lực cho KCN nói riêng của tỉnh Phú Thọ, đặc biệt là các lĩnh vực trọng điểm thu hút đầu tư vào KCN như điện tử, tin học, kỹ thuật điện, cơ khí, cơ điện tử. Tỉnh Phú Thọ cần tập trung đầu tư cho một số trường nghề (Trung cấp

và Cao đẳng) trọng điểm về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và nhà xưởng thực hành, đổi mới giáo trình, giáo án, đổi mới tư duy dạy học... theo hướng cập nhật trình độ tiên tiến, hiện đại của thế giới tạo hạt nhân thúc đẩy các cơ sở đào tạo nghề khác cũng phải tự mình vươn lên để cạnh tranh.

- Đa dạng hóa loại hình đào tạo như: Đào tạo tập trung tại các cơ sở dạy nghề (bao gồm trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề và các loại trường khác có tham gia dạy nghề), dạy nghề tại doanh nghiệp và tại nơi làm việc. Tăng cường liên kết đào tạo giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp (doanh nghiệp gửi người lao động đến trường để học nghề; cơ sở dạy nghề gửi học sinh đến các doanh nghiệp để thực hành nghề...).

- Để bảo đảm cuộc sống ổn định và tạo việc làm bền vững cho người dân các khu vực bị mất đất làm KCN cần khuyến khích các hình thức đào tạo, dạy nghề cho nông dân và tạo điều kiện tốt nhất để họ vào làm việc trong các KCN. Thành lập các cơ sở đào tạo nghề tại nơi phát triển KCN để trực tiếp đào tạo nghề cho người lao động nông nghiệp có đất được chuyển đổi sang sản xuất công nghiệp.

- Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt trong các doanh nghiệp KCN như cán bộ quản lý, nhân sự; cán bộ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; quản đốc các phân xưởng, tổ trưởng sản xuất,... để họ có thể hiểu biết chuyên môn, nắm được pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật lao động nói riêng, ngôn ngữ và phong tục tập quán của các quốc gia đầu tư vào KCN và phổ biến cho các đồng nghiệp khác để tạo mối quan hệ lao động lành mạnh, ổn định, bền vững trong doanh nghiệp và KCN.

2.4.4. Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật liên quan tới khu công nghiệp

- Tập trung làm tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng để thu hút nhà đầu tư; lựa chọn nhà đầu tư có tiềm lực mạnh, quyết tâm cao bỏ vốn đầu tư san lấp, xây dựng kết cấu hạ tầng bên trong KCN, nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư hạ tầng KCN, nhất là KCN công nghệ, KCN phụ trợ, KCN chuyên ngành, KCN liên hợp.

- Hình thành các phân khu trong các KCN chuyên ngành, có quy mô vừa tạo điều kiện thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp hỗ trợ, đồng thời thực hiện công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp hỗ trợ ở các khu đô thị, nhất là di dời các cơ sở sản xuất tại thành phố Việt Trì thời gian tới.

- Đảm bảo hoàn thiện hạ tầng kĩ thuật để xử lý chất thải trong KCN, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, thu gom, xử lý chất thải rắn và các loại chất thải khác; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải để xử lý và bảo vệ môi trường. Khuyến khích sản xuất sạch, lấy công nghệ sản xuất sạch làm tiêu chuẩn thay vì tiêu chí xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp cải tiến công nghệ sử dụng công nghệ sản xuất sạch.

3. Kết luận

Thực trạng phát triển ở giai đoạn trước và kinh nghiệm của các địa phương lân cận cho thấy đề tỉnh Phú Thọ đạt được tốc độ tăng trưởng mang tính bứt phá trong giai đoạn đến năm 2030 thì phát triển KCN được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Phát triển KCN của tỉnh trong giai đoạn tới cần đặc biệt chú trọng theo hướng nâng cao hiệu quả (cả về đóng góp vào tăng trưởng, thu ngân sách, tạo việc làm và tính lan tỏa phát triển) của các KCN đã thành lập cũng như các KCN thành lập mới. Để phát huy được vai trò, hiệu quả của các KCN, việc chú trọng thực thi các giải pháp về thu hút đầu tư, ban hành các chính sách khuyến khích, đào tạo nhân lực và cải thiện kết cấu hạ tầng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Kết quả của nghiên cứu này là tài liệu tham khảo hữu ích cho lãnh đạo tỉnh Phú Thọ trong việc ban hành các chính sách phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn đến năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2022. Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- [2] Võ Thanh Thu, 2005. *Nghiên cứu những giải pháp phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay*. Đề tài khoa học cấp Nhà nước, Hà Nội.
- [3] Vũ Thành Hưởng, 2009. Giải pháp phát triển bền vững các khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* số 149, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Ngọc Dũng, 2011. *Phát triển các khu công nghiệp đồng bộ trên địa bàn Hà Nội*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [5] Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ, 2022. Báo cáo tình hình phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Phú Thọ.
- [6] Website về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh: <https://www.pcivietnam.vn/bang-xep-hang>. Truy cập ngày 01/5/2023.
- [7] Tổng cục Thống kê 2022. *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2021*. Nxb Thống kê.
- [8] Ban Quản lý các tỉnh Bắc Giang, 2022. Báo cáo tình hình phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Giang.
- [9] Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên, 2022. Báo cáo tình hình phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.
- [10] Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ, 2023. *Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ 2022*. Nxb Thống kê.
- [11] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2023. *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2022*. Nxb Thống kê.
- [12] Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang, 2023. *Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang 2022*. Nxb Thống kê.
- [13] Cục Thống kê thành phố Hà Nội, 2023. *Niên giám thống kê thành phố Hà Nội 2022*. Nxb Thống kê.
- [14] Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, 2023. *Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc 2022*. Nxb Thống kê.

ABSTRACT

Development of industrial zones in Phu Tho province for the period to 2030

Pham Ngoc Tru

Office of Testing and Quality Assurance, Academy of Policy and Development

This research focuses on clarifying some contents about the development of industrial zones (IZs) in Phu Tho province in the period to 2030. The current status of the development of IZs, forecast impacts from international and domestic contexts and competition from neighboring provinces, new expressways are important bases for the author to propose the development plan of IZs. For the development plan, the author emphasizes the spatial distribution of sub-regions, the number of Izs (including established and newly opened ones) as well as the orientation to attract important industries for the IZs in Phu Tho province. In order to develop and promote the role of IZs, the author proposes to focus on effectively implementing solutions in attracting investment, support policies, human resources, infrastructure and facilities for IZs.

Keywords: development, industrial zones, Phu Tho province.